

Số: **3374**/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **31** tháng **8** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức
đối với các trường hợp trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung, một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 3696/BNV-CCVC ngày 27/7/2020 của Bộ Nội vụ về việc nội dung liên quan đến ký hợp đồng làm việc đối với trường hợp đã có quyết định trúng tuyển viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1799/SNV-CCVC ngày 31/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức đối với **48** trường hợp trúng tuyển kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019 vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Y tế, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Đại học Hạ Long; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí, Móng

Cái, Đông Triều, Quảng Yên, Bình Liêu, Hải Hà, Tiên Yên, kể từ ngày 01/9/2020 (có danh sách cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị xã, thành phố nêu tại Điều 1 có trách nhiệm ban hành Quyết định tuyển dụng viên chức cụ thể, bố trí, phân công công tác và giao Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ký kết hợp đồng làm việc và thực hiện chi trả lương, các khoản phụ cấp (nếu có) đối với các trường hợp có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 theo quy định.

Các trường hợp có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 được áp dụng ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn sau khi hết thời hạn của hợp đồng làm việc xác định thời hạn nếu đơn vị sự nghiệp công lập còn nhu cầu sử dụng và viên chức đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ “Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức” và quy định tại Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ “Về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập”.

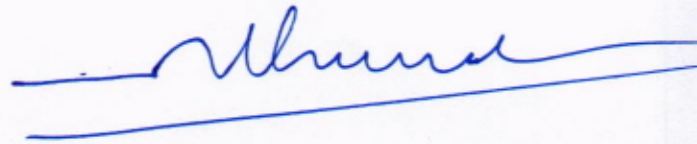
Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Y tế, Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư, Đại học Hạ Long; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí, Móng Cái, Đông Triều, Quảng Yên, Bình Liêu, Hải Hà, Tiên Yên; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- V0-5; GD, TH2, TH4;
- Lưu hồ sơ viên chức;
- Lưu: VT, TH5.

QB328

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thắng

**DANH SÁCH TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2019
(KHỎI GIÁO VIÊN)**

(Kèm theo Quyết định số **3374** /QĐ-UBND ngày **31** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)	
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số				
I	Sở Giáo dục và Đào tạo													
1	1	Bùi Văn Quyết	02/06/1990		Đại học Sư phạm Thể dục	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	01/9/2020	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	1	2,34	01/9/2020		01/4/2019
2	2	Đào Thị Lan Trang		25/11/1988	Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh	Trường THPT Chuyên Hạ Long	01/9/2020	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	85% Bậc 2	2,67		01/9/2020	
3	3	Trần Thị Nhung		23/12/1985	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Trường THPT Cửa Ông	01/9/2020	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	85% Bậc 1	2,34		01/9/2020	
4	4	Nguyễn Thị Hà		26/01/1983	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Trường THPT Lê Hồng Phong	01/9/2020	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	2	2,67	01/9/2020		01/9/2020
II	Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả													
5	1	Hoàng Thị Hồng Hạnh		13/04/1983	Đại học Sư phạm Âm nhạc	Trường THCS Mông Dương	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	3	2,72	01/9/2020		01/9/2018
6	2	Lê Thị Thuý Dương		29/01/1982	Đại học Địa lý	Trường THCS Bái Tử Long	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020		01/3/2018

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số			
7	3	Đỗ Thị Thanh Duyên		25/02/1982	Đại học Văn học; Cao đẳng Văn - Sử	Trường THCS Thống Nhất	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020	01/01/2019
III		Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long											
8	1	Phạm Thu Hằng		28/12/1996	Đại học Sư phạm Lịch sử	Trường THCS Hà Tu	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020	01/8/2019
9	2	Bùi Thị Liễu		27/11/1992	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Cao Thắng	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10	01/9/2020	
10	3	Đoàn Thanh Loan		25/5/1991	Đại học Tiếng Anh	Trường TH&THCS Minh Khai	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020	01/9/2020
11	4	Trần Thị Oanh		29/11/1994	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường TH&THCS Minh Khai	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10	01/9/2020	
12	5	Nguyễn Hồng Phương		28/3/1990	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trường THCS Lê Văn Tám	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020	01/10/2017
13	6	Lý Thị Yến		01/3/1992	Cao đẳng Sư phạm Địa lý	Trường TH&THCS Đồng Sơn	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10	01/9/2020	
14	7	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		03/8/1994	Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn - Lịch sử	Trường TH&THCS Vũ Oai	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020	01/10/2017
IV		UBND thành phố Móng Cái											
15	1	Vi Thị Vương		25/03/1993	Cao đẳng sư phạm Ngữ Văn	Trường THCS Hải Đông	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/9/2020	01/02/2020

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)	
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số				
V	Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí													
16	1	Hoàng Hải Huyền		27/11/1995	Đại học Sư phạm Ngữ văn	Trường THCS Nguyễn Trãi	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/9/2020	
VI	Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều													
17	1	Bùi Thế Quyền	25/8/1988		Đại học Giáo dục thể thao	Trường THCS Bình Dương	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020		01/6/2019
18	2	Nguyễn Thị Nhung		16/08/1991	Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn - GDCD	Trường THCS Đức Chính	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/9/2020	
19	3	Hoàng Thị Vân Anh		26/03/1990	Đại học Sư phạm Văn- Sử	Trường THCS Bình Dương	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020		01/6/2019
VII	Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên													
20	1	Vũ Thị Ngọc Ánh		02/12/1987	Đại học Sư phạm Tiếng Anh	Trường THCS Phong Hải	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	3	2,72	01/9/2020		01/11/2017
VIII	Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu													
21	1	Lục Thị Bình		30/3/1995	Cao đẳng Sư phạm Hóa-Sinh	Trường PTDTBT THCS Đồng Tâm	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	100% Bậc 1	2,10		01/9/2020	
22	2	Trần Thị Hỷ		17/02/1993	Cao đẳng Sư phạm Hóa-Sinh	PTDT Nội trú Bình Liêu	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1	2,10	01/9/2020		01/6/2020

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)	
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số				
IX		Ủy ban nhân dân huyện Hải Hà												
23	1	Đình Hữu Định	26/08/1992		Đại học Tiếng Anh	Trường TH&THCS Tiến Tới	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/9/2020		01/6/2020
24	2	Hoàng Văn Tình	23/11/1995		Cao đẳng Sư phạm Toán học	Trường THCS Đường Hoa	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/9/2020	
25	3	Bùi Thị Châu		10/08/1991	Đại học Sư phạm Văn - Giáo dục công dân	Trường PTDTBT THCS Quảng Sơn	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	2	2,41	01/9/2020		01/6/2020
X		UBND huyện Tiên Yên												
26	1	Vy Đức Cường	18/05/1994		Cao đẳng sư phạm Văn - Giáo dục công dân	Trường TH&THCS Đại Dực 2	01/9/2020	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	85% Bậc 1	2,10		01/9/2020	

Ấn định danh sách trên là 26 trường hợp/.

**DANH SÁCH TUYỂN DỤNG ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP ĐÃ TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2019
VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2019
(KHỎI NHÂN VIÊN)**

(Kèm theo Quyết định số **3374** /QĐ-UBND ngày **31** tháng **8** năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)	
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số				
I		Sở Giáo dục và Đào tạo												
1	1	Lê Đức Anh	13/11/1993		Đại học Kế toán	Trường THPT Bình Liêu	01/9/2020	Kế toán viên	06.031	2	2,67	01/9/2020		01/02/2020
2	2	Đàm Thị Thùy		01/04/1990	Đại học Kế toán, Chứng chỉ Sơ cấp nghề Văn thư lưu trữ	Trường THPT Uông Bí	01/9/2020	Văn thư	02.007	2	2,67	01/9/2020		01/11/2019
II		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội												
3	1	Đỗ Thị Tuyết Ngọc		26/9/1980	Đại học Quản trị nhân lực	Cơ sở Cai nghiện ma túy	01/9/2020	Chuyên viên	01.003	2	2,67	01/9/2020		01/7/2018
III		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn												
4	1	Hoàng Minh Tuấn	15/07/1987		Đại học Lâm học	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	01/9/2020	Kiểm lâm viên	10.226	85% Bậc I	2,34		01/9/2020	
IV		Sở Văn hóa và Thể thao												
5	1	Vũ Thị Linh		20/01/1993	Đại học Huấn luyện thể thao	Trung tâm Lặn cứu nạn và Thể thao dưới nước (nay là Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao)	01/9/2020	Huấn luyện viên hạng III	V.10.01.03	2	2,67	01/9/2020		01/7/2020

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)
			Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số			
6	2	Nguyễn Thị Kiều Oanh		16/9/1995	Đại học Huấn luyện thể thao	Trung tâm Lặn cứu nạn và Thể thao dưới nước (nay là Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao)	01/9/2020	Huấn luyện viên hạng III	V.10.01.03	1	2,34	01/9/2020		01/7/2019
7	3	Đinh Thị Trang		27/4/1995	Đại học ngành Huấn luyện thể thao	Trung tâm Lặn cứu nạn và Thể thao dưới nước (nay sáp nhập vào Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao)	01/9/2020	Huấn luyện viên hạng III	V.10.01.03	1	2,34	01/9/2020		01/7/2019
V		Sở Y tế												
8	1	Tô Thị Huệ		08/5/1988	Đại học Điều dưỡng	Bệnh viện Lão khoa	01/9/2020	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3	3,00	01/9/2020		01/12/2019
9	2	Nguyễn Đức Tuyển	28/8/1973		Bác sĩ y khoa	Trung tâm Y tế huyện Đàm Hà	01/9/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	7	4,32	01/9/2020		01/01/2020
VI		Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư												
10	1	Phạm Thị Thu Hằng		10/07/1988	Đại học Tài chính - Ngân hàng	Phòng Hỗ trợ đầu tư	01/9/2020	Chuyên viên	01.003	1	2,34	01/9/2020		01/10/2017
VII		Đại học Hạ Long												
11	1	Tô Thị Thái Hà		17/10/1991	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Khoa Du lịch	01/9/2020	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	2	2,67	01/9/2020		01/10/2018

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)	
		Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số				
IX	Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả													
12	1	Nguyễn Thị Tình		24/10/1989	Cao đẳng Dược	Trạm Y tế phường Cẩm Thủy	01/9/2020	Dân số viên hạng IV	V.08.10.29	85% Bậc I	1,86		01/9/2020	
X	Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long													
13	1	Nguyễn Thị Thanh Thủy		01/3/1982	Đại học Kế toán	Trường Mầm non Bãi Cháy	01/9/2020	Kế toán viên	06.031	3	3,00	01/9/2020		01/01/2018
14	2	Nguyễn Thị Dung		12/6/1990	Đại học Quản trị tài chính kế toán	Trường Mầm non Cao Xanh	01/9/2020	Kế toán viên	06.031	85% Bậc I	2,34		01/9/2020	
15	3	Phạm Thị Vân Anh		28/9/1988	Đại học Kế toán	Trường Mầm non Hồng Hải	01/9/2020	Kế toán viên	06.031	3	3,00	01/9/2020		01/8/2019
16	4	Đỗ Thị Lan Hương		11/6/1994	Đại học Sư phạm Tin học	Trường THCS Cao Xanh	01/9/2020	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	85% Bậc I	2,34		01/9/2020	
17	5	Phạm Thị Thu Hà		20/7/1986	Bác sĩ đa khoa	Trạm Y tế phường Hà Khánh	01/9/2020	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	2	2,67	01/9/2020		01/8/2018
18	6	Bùi Thị Kim Quý		10/12/1993	Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế phường Bạch Đằng	01/9/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	2	2,06	01/9/2020		01/4/2019

TT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị công tác	Thời gian tuyển dụng viên chức, tính từ ngày	Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp/ Hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp				Thời gian hưởng CDNN	Thời gian tập sự (tính từ ngày)	Thời gian nâng lương lần sau (tính từ ngày)
			Nam	Nữ				Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số			
19	7	Mai Thiên Trang		05/6/1991	Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm y tế phường Cao Xanh	01/9/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc 1	1,86		01/9/2020	
XI		Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí												
20	1	Trịnh Hoa Gấm		10/03/1993	Trung cấp Y sĩ	Trạm y tế phường Phương Nam	01/9/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	85% Bậc 1	1,86		01/9/2020	
XII		Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên												
21	1	Nguyễn Văn Long	29/7/1983		Trung cấp hạch toán kế toán; Chứng chỉ nghiệp vụ thư viện - thiết bị	Trường Tiểu học Cẩm La (nay là trường TH-THCS Cẩm La)	01/9/2020	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	4	2,46	01/9/2020		01/11/2019
XIII		Ủy ban nhân dân huyện Bình Liêu												
22	1	Lương Xuân Chương	16/02/1991		Trung cấp Y sĩ đa khoa	Trạm Y tế xã Lục Hồn	01/9/2020	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	100% Bậc 1	1,86		01/9/2020	

Ấn định danh sách trên là 22 trường hợp./.